

Số: 1225/2019/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 29 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1601/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 50/2, tổ 34, khu phố 3, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: tổ 1, khu phố 3, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101/2018 ngày 26/3/2018 nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hà A, sinh ngày 16/6/2018.

Khi ly hôn, ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B thỏa thuận giao cháu Nguyễn Phạm Hà A cho bà Phạm Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Hữu L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Nguyễn Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cần trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008888 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B thỏa thuận giao cháu Nguyễn Phạm Hà A, sinh ngày 16/6/2018 cho bà Phạm Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Hữu L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Nguyễn Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B khai không có nợ chung, không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cần trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008888 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- UBND phường D,
thành phố H, Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

Loan Trần Hải Yến